

THÔNG TƯ

Quy định về quản lý cảng, bến thủy nội địa

Căn cứ Luật Giao thông đường thủy nội địa ngày 15 tháng 6 năm 2004 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Giao thông đường thủy nội địa ngày 17 tháng 6 năm 2014;

Căn cứ Nghị định số 107/2012/NĐ-CP ngày 20 tháng 12 năm 2012 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Giao thông vận tải;

Theo đề nghị của Vụ trưởng Vụ Kết cấu hạ tầng giao thông;

Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải ban hành Thông tư quy định về quản lý cảng, bến thủy nội địa,

Chương I:

QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

Thông tư này quy định về việc quản lý cảng, bến thủy nội địa và hoạt động của phương tiện thủy nội địa, tàu biển Việt Nam, phương tiện thủy nước ngoài tại vùng nước cảng, bến thủy nội địa.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

Thông tư này áp dụng đối với tổ chức, cá nhân đầu tư xây dựng, quản lý, khai thác cảng, bến thủy nội địa; sử dụng phương tiện thủy nội địa, tàu biển Việt Nam, phương tiện thủy nước ngoài hoặc thực hiện các hoạt động khác có liên quan đến cảng, bến thủy nội địa.

Điều 3. Giải thích từ ngữ

Trong Thông tư này, các từ ngữ dưới đây được hiểu như sau:

1. Cảng thủy nội địa là hệ thống các công trình được xây dựng để phương tiện thủy nội địa, tàu biển, phương tiện thủy nước ngoài neo đậu, xếp, dỡ hàng hoá, đón trả hành khách và thực hiện các dịch vụ hỗ trợ khác; cảng thủy nội địa có vùng

đất cảng và vùng nước cảng. Cảng thủy nội địa bao gồm cảng tổng hợp, cảng hàng hóa, cảng hành khách, cảng chuyên dùng.

2. Vùng đất của cảng được giới hạn để xây dựng công trình cảng, kho, bãi, nhà xưởng, trụ sở, cơ sở dịch vụ, hệ thống giao thông, thông tin liên lạc, điện, nước, lắp đặt thiết bị và các công trình phụ trợ khác.

3. Vùng nước của cảng được giới hạn để thiết lập vùng nước trước cảng, quay trở, khu neo đậu, khu chuyển tải, khu hạ tải, khu tránh bão.

4. Cảng tổng hợp là cảng vừa xếp dỡ hàng hóa, vừa đón trả hành khách và thực hiện các dịch vụ khác.

5. Cảng chuyên dùng là cảng thủy nội địa của tổ chức, cá nhân dùng để xếp, dỡ hàng hoá, vật tư phục vụ sản xuất cho chính tổ chức, cá nhân đó hoặc phục vụ đóng mới, sửa chữa phương tiện thủy nội địa, tàu biển, phương tiện thủy nước ngoài.

6. Bến thủy nội địa là công trình độc lập có quy mô nhỏ, gồm vùng đất và vùng nước trước bến để phương tiện thủy nội địa neo, đậu xếp dỡ hàng hoá, đón, trả hành khách và thực hiện dịch vụ hỗ trợ khác. Bến thủy nội địa gồm bến hàng hóa, bến hành khách, bến tổng hợp, bến khách ngang sông và bến chuyên dùng.

7. Bến chuyên dùng là bến thủy nội địa của tổ chức, cá nhân dùng để xếp, dỡ hàng hoá, vật tư phục vụ sản xuất cho chính tổ chức, cá nhân đó hoặc phục vụ đóng mới, sửa chữa phương tiện thủy nội địa.

8. Bến khách ngang sông là bến thủy nội địa chuyên phục vụ vận tải hành khách từ bờ bên này sang bờ bên kia.

9. Phương tiện thủy nội địa là tàu, thuyền và các cấu trúc nổi khác, có động cơ hoặc không có động cơ chuyên hoạt động trên đường thủy nội địa.

10. Tàu biển Việt Nam là tàu biển đã được đăng ký trong sổ đăng ký tàu biển quốc gia Việt Nam hoặc từ khi được cơ quan đại diện ngoại giao hoặc cơ quan lãnh sự của Việt Nam ở nước ngoài cấp giấy phép tạm thời mang cờ quốc tịch Việt Nam.

11. Phương tiện thủy nước ngoài là phương tiện thủy nội địa, tàu biển do nước ngoài cấp giấy chứng nhận đăng ký.

12. Chủ cảng, bến là tổ chức, cá nhân đầu tư xây dựng cảng, bến thủy nội địa hoặc được chủ đầu tư giao quản lý cảng, bến thủy nội địa.

13. Tổ chức, cá nhân khai thác cảng, bến là tổ chức, cá nhân sử dụng cảng, bến thủy nội địa để kinh doanh, khai thác.

14. Vùng đón trả hoa tiêu là vùng nước được cơ quan có thẩm quyền công bố để phương tiện thủy nước ngoài, tàu biển neo đậu đón, trả hoa tiêu.

Chương II:

ĐẦU TƯ XÂY DỰNG CẢNG, BẾN THỦY NỘI ĐỊA

Điều 4. Quy hoạch cảng, bến thủy nội địa

1. Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải phê duyệt, tổ chức thực hiện quy hoạch cảng thủy nội địa.

2. Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương phê duyệt, tổ chức thực hiện quy hoạch bến thủy nội địa trong phạm vi địa bàn quản lý của tỉnh, thành phố. Đối với bến thủy nội địa trên tuyến đường thủy nội địa quốc gia, trước khi phê duyệt quy hoạch, Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương phải lấy ý kiến thỏa thuận của Cục Đường thủy nội địa Việt Nam.

Điều 5. Nguyên tắc đầu tư xây dựng cảng, bến thủy nội địa

1. Việc đầu tư xây dựng cảng, bến thủy nội địa phải tuân theo những quy định của pháp luật về đầu tư xây dựng; phòng cháy, chữa cháy; bảo vệ môi trường; tuân thủ tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật, bảo đảm an toàn giao thông và các quy định khác tại Thông tư này.

2. Việc đầu tư xây dựng cảng, bến thủy nội địa phải phù hợp với quy hoạch hệ thống cảng, bến thủy nội địa được phê duyệt. Trường hợp dự án đầu tư xây dựng cảng, bến thủy nội địa chưa có trong quy hoạch hoặc có sự khác nhau so với quy hoạch, trước khi thực hiện dự án, chủ đầu tư phải báo cáo và được cơ quan có thẩm quyền phê duyệt quy hoạch chấp thuận.

Điều 6. Chấp thuận chủ trương xây dựng cảng thủy nội địa

1. Thẩm quyền chấp thuận chủ trương xây dựng cảng thủy nội địa

a) Bộ giao thông vận tải chấp thuận chủ trương xây dựng cảng thủy nội địa tiếp nhận phương tiện thủy nước ngoài;

b) Cục Đường thủy nội địa Việt Nam chấp thuận chủ trương xây dựng cảng thủy nội địa không tiếp nhận phương tiện thủy nước ngoài trên tuyến đường thủy nội địa quốc gia, đường thủy nội địa chuyên dùng nối với đường thủy nội địa quốc gia, đường thủy nội địa chuyên dùng nằm trên địa giới của nhiều tỉnh, thành phố

trực thuộc trung ương, cảng thủy nội địa có khu đất vừa trên đường thủy nội địa quốc gia vừa trên đường thủy nội địa địa phương hoặc vừa trên đường thủy nội địa quốc gia vừa trên vùng nước cảng biển.

c) Sở Giao thông vận tải chấp thuận chủ trương xây dựng cảng thủy nội địa không tiếp nhận phương tiện thủy nước ngoài trên tuyến đường thủy nội địa quốc gia ủy quyền quản lý, đường thủy nội địa địa phương, đường thủy nội địa chuyên dùng nối với đường thủy nội địa địa phương và bến thủy nội địa trong vùng nước cảng biển thuộc phạm vi địa giới hành chính địa phương.

2. Hồ sơ chấp thuận chủ trương xây dựng cảng thủy nội địa

Chủ đầu tư gửi 01(một) bộ hồ sơ chấp thuận chủ trương xây dựng cảng thủy nội địa trực tiếp hoặc qua hệ thống bưu chính hoặc hình thức phù hợp khác đến Cục Đường thủy nội địa Việt Nam hoặc Sở Giao thông vận tải. Hồ sơ bao gồm:

a) Đơn đề nghị chấp thuận chủ trương xây dựng cảng thủy nội địa theo Mẫu số 1 tại Phụ lục của Thông tư này.

b) Bình đồ vị trí công trình cảng dự kiến xây dựng, mặt bằng cảng, vùng nước trước cảng.

3. Cục Đường thủy nội địa Việt Nam hoặc Sở Giao thông vận tải tiếp nhận, kiểm tra và xử lý như sau:

a) Trường hợp nộp hồ sơ trực tiếp, nếu hồ sơ đầy đủ thì cấp giấy biên nhận hồ sơ và hẹn kết quả theo thời hạn quy định; nếu hồ sơ chưa đầy đủ theo quy định thì trả lại ngay và hướng dẫn chủ đầu tư hoàn thiện hồ sơ.

b) Trường hợp nhận hồ sơ qua hệ thống bưu chính hoặc hình thức phù hợp khác, nếu hồ sơ chưa đầy đủ theo quy định, trong thời gian 02 (hai) ngày làm việc, kể từ ngày nhận hồ sơ, Cục Đường thủy nội địa Việt Nam hoặc Sở Giao thông vận tải có văn bản yêu cầu chủ đầu tư bổ sung, hoàn thiện hồ sơ.

c) Đối với cảng thủy nội địa có tiếp nhận phương tiện thủy nước ngoài: Cục Đường thủy nội địa Việt Nam hoặc Sở Giao thông vận tải thẩm định hồ sơ, trình Bộ Giao thông vận tải kết quả thẩm định, kèm theo 01(một) bộ hồ sơ do chủ đầu tư nộp trong thời hạn 05 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ theo quy định. Bộ Giao thông vận tải lấy ý kiến Bộ Quốc phòng, Bộ Công an. Trong thời hạn 05 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được văn bản của Bộ Quốc phòng, Bộ Công an, Bộ Giao thông vận tải có văn bản chấp thuận chủ trương xây dựng cảng thủy nội địa và gửi chủ đầu tư. Trường hợp không chấp thuận phải có văn bản trả lời nêu rõ lý do.

d) Đối với cảng thủy nội địa không tiếp nhận phương tiện thủy nước ngoài

Trong thời hạn 07 (bảy) ngày làm việc, kể từ ngày nhận được hồ sơ theo quy định, Cục Đường thủy nội địa Việt Nam hoặc Sở Giao thông vận tải có văn bản chấp thuận xây dựng cảng thủy nội địa và gửi cho chủ đầu tư. Trường hợp không chấp thuận phải có văn bản trả lời nêu rõ lý do.

4. Văn bản chấp thuận chủ trương xây dựng cảng thủy nội địa có thời hạn 24 tháng (đối với công trình cảng thuộc dự án nhóm A), 12 tháng (đối với công trình cảng thuộc dự án nhóm B và nhóm C). Trường hợp quá thời hạn trên, nếu chủ đầu tư có nhu cầu tiếp tục triển khai dự án phải thực hiện lại thủ tục chấp thuận chủ trương xây dựng cảng thủy nội địa theo quy định tại điều này.

Điều 7. Chấp thuận chủ trương xây dựng bến thủy nội địa

1. Thẩm quyền chấp thuận chủ trương xây dựng bến thủy nội địa

Sở Giao thông vận tải chấp thuận chủ trương xây dựng bến thủy nội địa và bến khách ngang sông thuộc phạm vi địa giới hành chính của địa phương.

2. Hồ sơ chấp thuận chủ trương xây dựng bến thủy nội địa

Chủ đầu tư gửi 01 (một) bộ hồ sơ đề nghị chấp thuận chủ trương xây dựng bến thủy nội địa trực tiếp hoặc qua hệ thống bưu chính hoặc hình thức phù hợp khác đến Sở Giao thông vận tải. Hồ sơ bao gồm:

a) Đơn đề nghị chấp thuận chủ trương xây dựng bến thủy nội địa theo Mẫu số 2 và Đơn đề nghị chấp thuận chủ trương xây dựng bến khách ngang sông theo Mẫu số 3 tại Phụ lục của Thông tư này;

b) Bình đồ vị trí và sơ đồ mặt bằng công trình bến, vùng nước trước bến.

3. Sở Giao thông vận tải tiếp nhận, kiểm tra và xử lý như sau:

a) Trường hợp nộp hồ sơ trực tiếp, nếu hồ sơ đầy đủ thì cấp giấy biên nhận hồ sơ và hẹn kết quả theo thời hạn quy định; nếu hồ sơ chưa đầy đủ theo quy định thì trả lại ngay và hướng dẫn chủ đầu tư hoàn thiện hồ sơ.

b) Trường hợp nhận hồ sơ qua hệ thống bưu chính hoặc hình thức phù hợp khác, nếu hồ sơ chưa đầy đủ theo quy định, trong thời gian 02 (hai) ngày làm việc, kể từ ngày nhận hồ sơ, Sở Giao thông vận tải có văn bản yêu cầu chủ đầu tư bổ sung, hoàn thiện hồ sơ.

c) Trong thời hạn 05 (năm) ngày làm việc, kể từ ngày nhận được hồ sơ theo quy định, Sở Giao thông vận tải có văn bản chấp thuận xây dựng bến thủy nội địa

trên đường thủy nội địa địa phương, đường thủy chuyên dùng nối với đường thủy nội địa địa phương và gửi cho chủ đầu tư. Trường hợp không chấp thuận phải có văn bản trả lời nêu rõ lý do.

Đối với bến thủy trên đường thủy nội địa quốc gia, đường thủy chuyên dùng nối với đường thủy nội địa quốc gia, trước khi có văn bản chấp thuận Sở Giao thông vận tải phải lấy ý kiến của Chi Cục Đường thủy nội địa về vị trí và ảnh hưởng của bến đối với luồng và phạm vi bảo vệ các công trình khác ở khu vực. Trong thời hạn 03 (ba) ngày làm việc, kể từ ngày nhận được công văn đề nghị của Sở Giao thông vận tải kèm hồ sơ theo quy định, Chi Cục Đường thủy nội địa có văn bản trả lời.

Đối với bến khách ngang sông, trước khi có văn bản chấp thuận Sở Giao thông vận tải phải lấy ý kiến của Ủy ban nhân dân cấp xã nơi dự kiến xây dựng bến. Trong thời hạn 03 (ba) ngày làm việc, kể từ ngày nhận được công văn đề nghị của Sở Giao thông vận tải kèm hồ sơ theo quy định, Ủy ban nhân dân cấp xã có văn bản trả lời.

3. Văn bản chấp thuận chủ trương xây dựng bến thủy nội địa có thời hạn 12 tháng, kể từ ngày ký. Trường hợp quá thời hạn trên, nếu chủ đầu tư có nhu cầu xây dựng bến thì phải thực hiện lại thủ tục chấp thuận chủ trương xây dựng bến thủy nội địa theo quy định tại điều này.

Chương III:

THẨM QUYỀN VÀ THỦ TỤC CÔNG BỐ, CẤP GIẤY PHÉP HOẠT ĐỘNG CẢNG, BẾN THỦY NỘI ĐỊA

Điều 8. Thẩm quyền công bố hoạt động cảng thủy nội địa

1. Bộ giao thông vận tải công bố hoạt động cảng thủy nội địa tiếp nhận phương tiện thủy nước ngoài.

2. Cục Đường thủy nội địa Việt Nam công bố hoạt động cảng thủy nội địa không tiếp nhận phương tiện thủy nước ngoài trên tuyến đường thủy nội địa quốc gia, đường thủy nội địa chuyên dùng nối với đường thủy nội địa quốc gia, đường thủy nội địa chuyên dùng nằm trên địa giới của nhiều tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương, cảng thủy nội địa có khu đất vừa trên đường thủy nội địa quốc gia vừa trên đường thủy nội địa địa phương hoặc vừa trên đường thủy nội địa quốc gia vừa trên vùng nước cảng biển.

3. Sở Giao thông vận tải công bố hoạt động cảng thủy nội địa không tiếp nhận phương tiện thủy nước ngoài trên tuyến đường thủy nội địa quốc gia ủy quyền quản lý, các tuyến đường thủy nội địa địa phương, đường thủy nội địa chuyên dùng nối với đường thủy nội địa địa phương thuộc phạm vi địa giới hành chính của địa phương.

4. Các cơ quan quy định tại khoản 1 Điều 6 Thông tư này có thẩm quyền công bố và công bố lại hoạt động của cảng thủy nội địa do mình đã chấp thuận chủ trương xây dựng.

Điều 9. Thẩm quyền cấp giấy phép hoạt động bến thủy nội địa

Sở Giao thông vận tải cấp giấy phép hoạt động và cấp lại giấy phép hoạt động bến thủy nội địa, bến khách ngang sông trên địa bàn thuộc địa giới hành chính của địa phương.

Điều 10. Thủ tục công bố hoạt động cảng thủy nội địa

1. Hồ sơ công bố hoạt động cảng thủy nội địa

Chủ cảng thủy nội địa gửi 01(một) bộ hồ sơ đề nghị công bố hoạt động cảng thủy nội địa trực tiếp hoặc qua hệ thống bưu chính hoặc hình thức phù hợp khác đến Cục Đường thủy nội địa Việt Nam hoặc Sở Giao thông vận tải. Hồ sơ bao gồm:

a) Đơn đề nghị công bố cảng thủy nội địa theo Mẫu số 4 tại Phụ lục của Thông tư này.

b) Bản sao chứng thực quyết định đầu tư xây dựng cảng của cấp có thẩm quyền theo quy định của pháp luật về đầu tư hoặc bản sao kèm theo bản chính để đối chứng;

c) Hồ sơ thiết kế kỹ thuật được duyệt; hồ sơ hoàn công;

d) Biên bản nghiệm thu công trình;

đ) Bình đồ vùng nước của cảng;

e) Bản sao giấy chứng nhận an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường của phao nổi (nếu sử dụng phao nổi thay cho cầu tàu);

g) Bản sao văn bản chứng nhận an ninh đối với cảng thủy nội địa có tiếp nhận phương tiện thủy nước ngoài.

2. Cục Đường thủy nội địa Việt Nam hoặc Sở Giao thông vận tải tiếp nhận, kiểm tra và xử lý như sau:

a) Trường hợp nộp hồ sơ trực tiếp, nếu hồ sơ đầy đủ thì cấp giấy biên nhận hồ sơ và hẹn trả kết quả theo thời hạn quy định; nếu hồ sơ chưa đầy đủ theo quy định thì trả lại ngay và hướng dẫn chủ đầu tư hoàn thiện hồ sơ.

b) Trường hợp nhận hồ sơ qua hệ thống bưu chính hoặc hình thức phù hợp khác, nếu hồ sơ chưa đầy đủ theo quy định, trong thời gian 02 (hai) ngày làm việc, kể từ ngày nhận hồ sơ, Cục Đường thủy nội địa Việt Nam hoặc Sở Giao thông vận tải có văn bản yêu cầu chủ đầu tư bổ sung, hoàn thiện hồ sơ.

c) Đối với cảng thủy nội địa có tiếp nhận phương tiện thủy nước ngoài:

Trong phạm vi trách nhiệm của mình, Cục Đường thủy nội địa Việt Nam hoặc Sở Giao thông vận tải thẩm định hồ sơ, trình Bộ Giao thông vận tải kết quả thẩm định, kèm theo 01(một) bộ hồ sơ đề nghị công bố hoạt động cảng thủy nội địa do chủ đầu tư nộp trong thời hạn 05 (năm) ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ theo quy định.

Bộ Giao thông vận tải ra Quyết định công bố hoạt động cảng thủy nội địa theo Mẫu số 5 tại Phụ lục của Thông tư này và gửi cho chủ đầu tư trong thời hạn 05 (năm) ngày, kể từ ngày nhận được tờ trình thẩm định hồ sơ đề nghị công bố hoạt động cảng thủy nội địa. Trường hợp không chấp thuận phải có văn bản trả lời nêu rõ lý do.

d) Đối với cảng thủy nội địa không tiếp nhận phương tiện thủy nước ngoài

Trong thời hạn 05(năm) ngày làm việc, kể từ ngày nhận được hồ sơ theo quy định, Cục Đường thủy nội địa Việt Nam hoặc Sở Giao thông vận tải ra quyết định công bố hoạt động cảng thủy nội địa theo Mẫu số 5 tại Phụ lục của Thông tư này và gửi cho chủ đầu tư. Trường hợp không chấp thuận phải có văn bản trả lời nêu rõ lý do.

3. Thời hạn hiệu lực quyết định công bố hoạt động cảng thủy nội địa

Thời hạn hiệu lực của quyết định công bố hoạt động cảng thủy nội địa bằng thời hạn sử dụng đất do cơ quan có thẩm quyền cấp cho chủ đầu tư hoặc theo đề nghị của chủ cảng.

4. Trường hợp cảng mới xây dựng xong phần cầu tàu nhưng chủ đầu tư có nhu cầu sử dụng ngay phục vụ cho việc xây dựng các hạng mục công trình khác của cảng thì có thể đề nghị cơ quan có thẩm quyền công bố tạm thời phần cầu tàu đã hoàn thành theo thủ tục quy định tại khoản 1, khoản 2 hoặc khoản 3 Điều này, thời hạn hiệu lực của quyết định công bố tạm thời không quá 12 tháng.

Điều 11. Thủ tục cấp giấy phép hoạt động bến thủy nội địa

1. Chủ bến thủy nội địa gửi 01(một) bộ hồ sơ đề nghị cấp giấy phép hoạt động bến thủy nội địa trực tiếp hoặc qua hệ thống bưu chính hoặc hình thức phù hợp khác đến Sở Giao thông vận tải. Hồ sơ bao gồm:

a) Đơn đề nghị cấp giấy phép hoạt động bến thủy nội địa theo Mẫu số 6 và Đơn đề nghị cấp giấy phép hoạt động bến khách ngang sông theo Mẫu số 7 tại Phụ lục của Thông tư này.

b) Hồ sơ thiết kế kỹ thuật hoặc báo cáo kinh tế - kỹ thuật đầu tư xây dựng được duyệt; hồ sơ hoàn công;

c) Biên bản nghiệm thu công trình;

d) Sơ đồ vùng nước trước bến và luồng vào bến (nếu có) do chủ bến lập;

đ) Bản sao giấy chứng nhận an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường của phao nổi (nếu sử dụng phao nổi làm cầu bến);

e) Văn bản của cơ quan có thẩm quyền chấp thuận cho sử dụng tạm thời đối với trường hợp bến nằm trong hành lang bảo vệ các công trình theo quy định của pháp luật chuyên ngành.

Trong thời hạn 05 (năm) ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ theo quy định, Sở Giao thông vận tải cấp giấy phép hoạt động bến thủy nội địa gửi chủ bến theo Mẫu số 8, giấy phép hoạt động bến khách ngang sông theo Mẫu số 9 tại Phụ lục của Thông tư này.

2. Sở Giao thông vận tải tiếp nhận, kiểm tra và xử lý như sau:

a) Trường hợp nộp hồ sơ trực tiếp, nếu hồ sơ đầy đủ thì cấp giấy biên nhận hồ sơ và hẹn trả kết quả theo thời hạn quy định; nếu hồ sơ chưa đầy đủ theo quy định thì trả lại ngay và hướng dẫn chủ đầu tư hoàn thiện hồ sơ.

b) Trường hợp nhận hồ sơ qua hệ thống bưu chính hoặc hình thức phù hợp khác, nếu hồ sơ chưa đầy đủ theo quy định, trong thời gian 02 (hai) ngày làm việc, kể từ ngày nhận hồ sơ, Sở Giao thông vận tải có văn bản yêu cầu chủ đầu tư bổ sung, hoàn thiện hồ sơ.

3. Thời hạn hiệu lực của giấy phép hoạt động bến thủy nội địa

Thời hạn hiệu lực của giấy phép hoạt động bến thủy nội địa bằng thời hạn sử dụng đất do cơ quan có thẩm quyền cấp cho chủ bến hoặc theo đề nghị của chủ bến.

Trường hợp tổ chức, cá nhân có nhu cầu mở bến hoạt động tạm thời để bốc xếp vật tư, thiết bị, vật liệu phục vụ xây dựng công trình, nhà máy, khu công nghiệp thì thời hạn hiệu lực của giấy phép hoạt động của bến bằng thời gian thực hiện xây dựng công trình, nhà máy, khu công nghiệp.

4. Đối với bến khách ngang sông, trường hợp bến ở hai bên bờ đều do một chủ khai thác và thuộc thẩm quyền cấp giấy phép hoạt động của một cơ quan thì chủ khai thác bến khách ngang sông làm đơn đề nghị cấp giấy phép hoạt động bến khách ngang sông theo Mẫu số 7, Cơ quan có thẩm quyền cấp một giấy phép hoạt động bến khách ngang sông cho cả hai đầu bến theo Mẫu số 9 tại Phụ lục của Thông tư này.

5. Trường hợp chủ bến cần có vùng nước neo đậu phương tiện để đón, trả hành khách, bốc xếp hàng hóa ngoài vùng nước của bến thủy nội địa, phải ghi rõ diện tích vùng nước trong đơn đề nghị cấp giấy phép hoạt động bến thủy nội địa. Vùng nước neo, đậu phương tiện không được bố trí trong luồng và trong phạm vi bảo vệ các công trình.

Điều 12. Thủ tục công bố lại cảng thủy nội địa

1. Cảng thủy nội địa phải công bố lại trong các trường hợp sau:

- a) Khi thay đổi chủ sở hữu;
- b) Quyết định công bố hoạt động hết hiệu lực;
- c) Thay đổi kết cấu công trình cảng, vùng đất, vùng nước hoặc thay đổi công dụng của cảng;
- d) Cảng thủy nội địa được công bố hoạt động trước ngày 01 tháng 01 năm 2005.

2. Đối với cảng không tiếp nhận phương tiện thủy nước ngoài.

Chủ cảng thủy nội địa gửi 01(một) bộ hồ sơ đề nghị công bố hoạt động lại cảng thủy nội địa trực tiếp hoặc qua hệ thống bưu chính hoặc hình thức phù hợp khác đến Cục Đường thủy nội địa Việt Nam hoặc Sở Giao thông vận tải. Hồ sơ bao gồm:

a) Đơn đề nghị công bố lại cảng thủy nội địa theo Mẫu số 10 tại Phụ lục của Thông tư này;

b) Đối với trường hợp do thay đổi chủ sở hữu nhưng không thay đổi các nội dung đã công bố, chủ cảng phải gửi kèm theo đơn đề nghị văn bản hợp pháp về

chuyển nhượng cảng và hồ sơ liên quan đến việc bàn giao chủ sở hữu hoặc văn bản hợp pháp về phân chia hoặc sáp nhập (nếu có);

c) Đối với trường hợp công bố lại do có sự thay đổi về kết cấu công trình cảng, vùng nước, vùng đất, công dụng của cảng, chủ cảng phải gửi kèm theo đơn đề nghị bản sao chứng thực giấy tờ chứng minh các nội dung thay đổi;

d) Đối với trường hợp công bố lại do xây dựng mở rộng hoặc nâng cấp để nâng cao năng lực thông qua cảng, thực hiện theo quy định tại Điều 10 của Thông tư này đối với phần xây dựng mở rộng hoặc nâng cấp;

đ) Đối với cảng thủy nội địa được công bố hoạt động trước ngày 01 tháng 01 năm 2005 do thất lạc hồ sơ, chủ cảng phải gửi kèm theo đơn đề nghị bản vẽ mặt bằng công trình cảng, bình đồ vùng nước, vùng đất của cảng;

Trong thời hạn 07 (bảy) ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ, Cục Đường thủy nội địa Việt Nam hoặc Sở Giao thông vận tải ra quyết định công bố lại hoạt động cảng thủy nội địa. Quyết định công bố lại hoạt động của cảng thủy nội địa theo Mẫu số 5 tại Phụ lục của Thông tư này. Trường hợp không chấp thuận phải có văn bản trả lời nêu rõ lý do.

3. Đối với cảng có tiếp nhận phương tiện thủy nước ngoài

a) Chủ cảng gửi 02 bộ hồ sơ qua đường bưu chính hoặc nộp trực tiếp hoặc hình thức khác đến Cục Đường thủy nội địa Việt Nam hoặc Sở Giao thông vận tải. Hồ sơ bao gồm đơn đề nghị, các văn bản, tài liệu trong từng trường hợp như quy định tại các điểm a, b, c, d khoản 2 Điều này;

b) Trong thời hạn 05 (năm) ngày làm việc, kể từ ngày nhận được hồ sơ, Cục Đường thủy nội địa Việt Nam hoặc Sở Giao thông vận tải thẩm định hồ sơ, trình Bộ Giao thông vận tải kết quả thẩm định kèm theo 01 bộ hồ sơ đề nghị công bố lại cảng thủy nội địa. Bộ Giao thông vận tải ra quyết định công bố lại cảng thủy nội địa, quyết định công bố lại hoạt động cảng thủy nội địa trong thời hạn 05 (năm) ngày làm việc, kể từ ngày nhận được tờ trình. Quyết định công bố lại hoạt động của cảng thủy nội địa theo Mẫu số 5 tại Phụ lục của Thông tư này. Trường hợp không chấp thuận phải có văn bản trả lời nêu rõ lý do.

4. Thời hạn hiệu lực của quyết định công bố lại hoạt động cảng thủy nội địa bằng thời hạn sử dụng đất do cơ quan có thẩm quyền cấp cho chủ cảng hoặc theo đề nghị của chủ cảng.

Điều 13. Thủ tục cấp lại giấy phép hoạt động bến thủy nội địa

1. Bến thủy nội địa nội địa phải được cấp lại giấy phép hoạt động trong các trường hợp sau:

- a) Giấy phép hoạt động hết hiệu lực;
- b) Thay đổi chủ sở hữu;
- c) Thay đổi vùng đất, vùng nước, công dụng của bến;
- d) Bến thủy nội địa được cấp giấy phép hoạt động trước ngày 01 tháng 01 năm 2005.

2. Thủ tục cấp lại giấy phép hoạt động bến thủy nội địa

Chủ bến thủy nội địa gửi 01(một) bộ hồ sơ đề nghị cấp lại giấy phép hoạt động bến thủy nội địa trực tiếp hoặc qua hệ thống bưu chính hoặc hình thức phù hợp khác đến Sở Giao thông vận tải. Hồ sơ bao gồm:

a) Đơn đề nghị cấp lại giấy phép hoạt động bến thủy nội địa theo Mẫu số 11 tại Phụ lục của Thông tư này.

b) Đối với trường hợp cấp lại giấy phép do thay đổi chủ sở hữu nhưng không thay đổi các nội dung của giấy phép đã được cấp, chủ bến phải gửi kèm theo đơn đề nghị văn bản hợp pháp về chuyển nhượng bến và hồ sơ liên quan đến việc bàn giao chủ sở hữu trong trường hợp có sự thay đổi chủ sở hữu bến hoặc văn bản hợp pháp về phân chia hoặc sáp nhập (nếu có);

c) Trường hợp do thay đổi vùng đất, vùng nước, công dụng của bến, chủ bến phải gửi kèm theo đơn đề nghị các giấy tờ pháp lý chứng minh các sự thay đổi nêu trên;

d) Đối với bến thủy nội địa do xây dựng mở rộng hoặc nâng cấp để nâng cao năng lực của bến, thì hồ sơ đề nghị cấp lại giấy phép hoạt động thực hiện theo quy định tại Điều 11 của Thông tư này;

đ) Đối với bến thủy nội địa được cấp giấy phép hoạt động trước ngày 01 tháng 01 năm 2005 mà bị thất lạc hồ sơ thì chủ bến phải kèm theo đơn đề nghị bản vẽ mặt bằng công trình bến, sơ đồ vùng nước, vùng đất của bến.

Trong thời hạn 07 (bảy) ngày, kể từ ngày nhận được hồ sơ theo quy định, Sở Giao thông vận tải hoặc cơ quan được ủy quyền cấp giấy phép hoạt động bến thủy nội địa gửi chủ bến. Trường hợp không chấp thuận phải có văn bản trả lời nêu rõ lý do.

3. Thời hạn hiệu lực của giấy phép hoạt động bến thủy nội địa được cấp lại bằng thời hạn sử dụng đất do cơ quan có thẩm quyền cấp cho chủ bến hoặc theo đề nghị của chủ bến.

Đối với bến hoạt động tạm thời để bốc xếp vật tư, thiết bị, vật liệu phục vụ xây dựng công trình, nhà máy, khu công nghiệp thì thời hạn hiệu lực của giấy phép hoạt động của bến cấp lại bằng thời gian thực hiện xây dựng công trình, nhà máy, khu công nghiệp.

Điều 14. Đình chỉ hoạt động cảng, bến thủy nội địa

1. Cảng, bến thủy nội địa bị đình chỉ hoạt động trong các trường hợp sau:

a) Điều kiện về địa hình, thủy văn biến động không bảo đảm an toàn cho hoạt động của cảng, bến thủy nội địa;

b) Chủ cảng, bến chấm dứt hoạt động;

c) Có yêu cầu đình chỉ hoạt động hoặc giải toả của các cơ quan nhà nước có thẩm quyền.

2. Cảng, bến thủy nội địa bị đình chỉ hoạt động có thời hạn trong trường hợp công trình cảng, bến thủy nội địa bị hư hỏng không bảo đảm điều kiện theo thiết kế, gây mất an toàn giao thông hoặc có nguy cơ gây mất an toàn cho người và phương tiện.

3. Cơ quan có thẩm quyền công bố hoạt động cảng, cấp giấy phép hoạt động bến thủy nội địa có quyền quyết định đình chỉ hoạt động hoặc đình chỉ hoạt động có thời hạn cảng, bến thủy nội địa. Quyết định đình chỉ hoạt động cảng, bến thủy nội địa theo Mẫu số 12, Quyết định đình chỉ hoạt động có thời hạn của cảng, bến thủy nội địa theo Mẫu số 13 tại Phụ lục của Thông tư này.

4. Sau 15 (mười năm) ngày, kể từ ngày quyết định đình chỉ hoạt động cảng, bến thủy nội địa có hiệu lực, chủ bến có trách nhiệm thanh thải chướng ngại vật trong khu vực cảng, bến; tháo dỡ báo hiệu đường thủy nội địa của cảng, bến. Trường hợp chủ cảng, bến không thực hiện, cơ quan quản lý nhà nước về cảng, bến được quyền tổ chức dỡ bỏ, mọi chi phí thanh thải chướng ngại vật, tháo dỡ báo hiệu chủ bến phải chịu trách nhiệm thanh toán cho cơ quan quản lý.

Chương IV:
QUẢN LÝ HOẠT ĐỘNG CỦA PHƯƠNG TIỆN THỦY
TẠI CẢNG, BẾN THỦY NỘI ĐỊA

Mục I:
PHƯƠNG TIỆN THỦY VÀO VÀ RỜI
VÙNG NƯỚC CẢNG, BẾN THỦY NỘI ĐỊA

Điều 15. Thủ tục đối với phương tiện thủy nội địa vào cảng, bến thủy nội địa

Trước khi phương tiện vào cảng, bến thủy nội địa, thuyền trưởng hoặc thuyền phó hoặc người lái phương tiện có trách nhiệm nộp và xuất trình bản chính các giấy tờ sau đây cho Cảng vụ Đường thủy nội địa (sau đây gọi là Cảng vụ) hoặc Ban quản lý bến:

1. Giấy tờ phải nộp

a) Giấy phép rời cảng, bến cuối cùng (đối với phương tiện chuyên tải, sang mạn trong vùng nước cảng, bến thủy thì không phải nộp giấy phép rời cảng, bến);

b) Giấy chứng nhận an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường của phương tiện thủy nội địa còn hiệu lực;

c) Sổ danh bạ thuyền viên.

2. Giấy tờ xuất trình

a) Giấy chứng nhận đăng ký phương tiện thủy nội địa (hoặc bản sao có xác nhận của tổ chức tín dụng trong trường hợp phương tiện đang cầm cố, thế chấp);

b) Bằng hoặc giấy chứng nhận khả năng chuyên môn, chứng chỉ chuyên môn của thuyền viên, người lái phương tiện;

c) Hợp đồng vận chuyển hoặc hoá đơn xuất kho hoặc giấy vận chuyển hàng hóa, danh sách hành khách.

3. Cảng vụ hoặc Ban quản lý bến cấp giấy phép vào cảng, bến thủy nội địa trong thời hạn 30 phút, kể từ khi nhận đủ giấy tờ theo quy định. Giấy phép vào cảng, bến thủy nội địa theo Mẫu số 14 của Phụ lục Thông tư này.

4. Phương tiện vận chuyển hành khách tại bến khách ngang sông không phải làm thủ tục vào bến; phương tiện chở người làm việc từ bờ ra các công trình, nhà máy phải tuân thủ quy định của pháp luật về vận chuyển người, có danh sách người lao động trên mỗi chuyến đi.

Điều 16. Phương tiện thủy nội địa rời cảng, bến thủy nội địa

1. Trước khi phương tiện rời cảng, bến, thuyền trưởng hoặc thuyền phó hoặc người lái phương tiện có trách nhiệm xuất trình bản chính các giấy tờ sau đây cho Cảng vụ hoặc Ban quản lý bến:

a) Hợp đồng vận chuyển hoặc hoá đơn xuất kho hoặc giấy vận chuyển (đối với phương tiện chở hàng hoá) hoặc danh sách hành khách (đối với phương tiện chở hành khách);

b) Chứng từ xác nhận việc nộp phí, lệ phí, tiền phạt hoặc thanh toán các khoản nợ theo quy định của pháp luật;

c) Giấy tờ liên quan tới những thay đổi so với giấy tờ quy định tại điểm a khoản 1 Điều này (nếu có).

2. Cảng vụ hoặc Ban quản lý bến cấp giấy phép rời cảng, bến thủy nội địa trong thời hạn 30 phút, kể từ khi nhận đủ giấy tờ theo quy định. Giấy phép vào cảng, bến thủy nội địa theo Mẫu số 15 của Phụ lục Thông tư này.

Trường hợp phương tiện thủy đã được cấp giấy phép rời cảng, bến thủy nội địa nhưng vẫn neo đậu tại vùng nước cảng, bến quá 24 giờ thì thuyền trưởng, thuyền phó hoặc người lái phương tiện phải đến Văn phòng Cảng vụ làm lại thủ tục rời cảng, bến cho phương tiện thủy.

Trường hợp phương tiện thủy nội địa vào cảng, bến thủy nội địa và lưu lại trong khoảng thời gian không quá 72 giờ hoặc giấy tờ, tài liệu khi làm thủ tục rời cảng, bến thủy nội địa không thay đổi so với khi vào thì được làm thủ tục rời cảng, bến thủy nội địa một lần.

3. Đối với phương tiện rời vào cảng, bến từ hai lần trở lên trong một ngày thì Cảng vụ hoặc Ban quản lý bến chỉ kiểm tra thực tế lần đầu, từ lần thứ hai trong ngày chỉ kiểm tra điều kiện an toàn theo quy định.

4. Đối với phương tiện đóng mới hoặc sửa chữa khi hạ thủy để chạy thử trên đường thủy nội địa, chủ phương tiện hoặc chủ cơ sở đóng mới, sửa chữa phương tiện phải xuất trình Cảng vụ hoặc Ban quản lý bến các giấy tờ sau:

a) Biên bản kiểm tra của đăng kiểm xác nhận phương tiện đủ điều kiện chạy thử đường dài;

b) Phương án bảo đảm an toàn giao thông khi hạ thủy đối với phương tiện hạ thủy vượt qua phạm vi hành lang bảo vệ luồng chạy tàu có ý kiến phê duyệt của đơn vị trực tiếp quản lý tuyến đường thủy nội địa khu vực.

5. Phương tiện vận chuyển hành khách tại bến khách ngang sông không phải làm thủ tục rời bến.

Điều 17. Giấy chứng nhận đối với phương tiện vận tải cát, sỏi hoặc khoáng sản khác trực tiếp từ nơi khai thác

Tổ chức, cá nhân khai thác cát, sỏi hoặc khoáng sản khác trên đường thủy nội địa có giấy phép của cơ quan nhà nước có thẩm quyền về khai thác cát, sỏi hoặc khoáng sản nếu sử dụng phương tiện, tàu biển để vận tải cát, sỏi hoặc khoáng sản khác thì phải cấp cho phương tiện hóa đơn xuất hàng hóa.

Điều 18. Thủ tục đối với tàu biển, phương tiện thủy nước ngoài vào và rời cảng thủy nội địa

1. Tàu biển, phương tiện thủy nước ngoài khi vào và rời cảng thủy nội địa thực hiện thủ tục theo quy định của pháp luật hàng hải đối với tàu thuyền khi vào và rời cảng biển.

2. Đối với phương tiện thủy nội địa của Vương quốc Campuchia vào, rời cảng thủy nội địa Việt Nam thì ngoài giấy tờ phải nộp, xuất trình theo quy định tại Điều 15, Điều 16 của Thông tư này còn phải nộp, xuất trình Giấy phép vận tải thủy qua biên giới do cơ quan có thẩm quyền cấp.

Mục II:

CHẾ ĐỘ HOA TIÊU

Điều 19. Chế độ hoa tiêu bắt buộc

Phương tiện thủy nước ngoài khi hoạt động trên đường thủy nội địa hoặc vào và rời cảng thủy nội địa bắt buộc phải có hoa tiêu dẫn đường. Phương tiện thủy nội địa, tàu biển Việt Nam khi vào và rời cảng nội địa có thể yêu cầu hoa tiêu dẫn đường nếu thấy cần thiết. Việc dẫn đường do hoa tiêu hàng hải thực hiện.

Điều 20. Yêu cầu về thời gian cung cấp hoa tiêu dẫn đường

1. Trừ các trường hợp khẩn cấp phải xin hoa tiêu dẫn đường để phòng ngừa tai nạn, việc yêu cầu hoa tiêu phải thông báo cho Cảng vụ và tổ chức hoa tiêu liên quan chậm nhất 06 giờ trước khi dự kiến đón hoa tiêu.

2. Nếu sau khi xin hoa tiêu mà muốn thay đổi giờ đón hoa tiêu hoặc hủy bỏ việc xin hoa tiêu, thì phải báo cho Cảng vụ và tổ chức hoa tiêu liên quan biết ít nhất 03 giờ trước thời điểm dự kiến đón hoa tiêu lên tàu.

3. Hoa tiêu có trách nhiệm chờ đợi tại địa điểm đã thỏa thuận không quá 04 giờ kể từ thời điểm đã dự kiến đón hoa tiêu lên tàu, nếu quá thời hạn này thì việc xin hoa tiêu coi như bị hủy bỏ và thuyền trưởng phải trả tiền chờ đợi của hoa tiêu theo quy định.

4. Chậm nhất 01 giờ, kể từ khi nhận được yêu cầu xin hoa tiêu, tổ chức hoa tiêu phải xác báo lại cho Cảng vụ, chủ tàu hoặc đại lý của chủ tàu về địa điểm và thời gian dự kiến hoa tiêu sẽ lên tàu. Nếu hoa tiêu lên tàu chậm so với thời gian và sai địa điểm đã xác báo mà buộc tàu phải chờ đợi hoặc di chuyển đến địa điểm khác thì tổ chức hoa tiêu đó phải trả tiền chờ đợi của tàu theo quy định.

Chương V:

TRÁCH NHIỆM CỦA CHỦ CẢNG, BẾN, THUYỀN VIÊN, NGƯỜI LÁI PHƯƠNG TIỆN, VÀ CÁC TỔ CHỨC, CÁ NHÂN KHÁC

HOẠT ĐỘNG TẠI CẢNG, BẾN THỦY NỘI ĐỊA

Điều 21. Trách nhiệm của chủ cảng, bến thủy nội địa

Trong quá trình khai thác cảng, bến thủy nội địa, chủ cảng, bến phải thực hiện những quy định sau đây:

1. Duy trì trạng thái hoạt động của cảng, bến và các thiết bị neo đậu phương tiện theo thiết kế bảo đảm an toàn; duy trì báo hiệu đường thủy nội địa theo quy tắc báo hiệu đường thủy nội địa.

2. Xây dựng nội quy hoạt động của cảng, bến thủy nội địa; đối với cảng, bến hành khách phải có bảng niêm yết giá vé. Nội quy hoạt động, bảng niêm yết giá vé phải rõ ràng, bố trí ở nơi thuận lợi.

3. Có đèn chiếu sáng khi hoạt động ban đêm, đối với cảng, bến khách phải có nơi chờ cho hành khách.

4. Thiết bị phòng cháy, chữa cháy phải bảo đảm về số lượng và chất lượng sử dụng theo quy định của pháp luật và phải được bố trí ở vị trí thuận lợi khi sử dụng.

5. Thiết bị xếp dỡ phải bảo đảm tiêu chuẩn an toàn kỹ thuật và phù hợp với kết cấu, sức chịu lực của công trình. Bố trí người điều khiển thiết bị xếp dỡ phải có chứng chỉ điều khiển theo quy định của pháp luật.

6. Luồng vào cảng, bến thủy nội địa (nếu có) phải bảo đảm phù hợp với cấp kỹ thuật luồng đường thủy nội địa theo quy định và phải được kiểm tra, khảo sát thường xuyên bảo đảm chuẩn tắc phù hợp với cấp kỹ thuật của luồng đường thủy nội địa khu vực.

7. Đối với cảng thủy nội địa có tiếp nhận phương tiện thủy nước ngoài phải có kế hoạch an ninh cảng thủy nội địa và đánh giá an ninh cảng thủy nội địa của cơ quan thẩm quyền.

8. Bố trí nhân lực quản lý, khai thác cảng, bến bảo đảm trật tự, an toàn.

9. Trường hợp cho thuê cảng, bến thủy nội địa phải ký kết hợp đồng với chủ khai thác cảng, bến theo quy định của pháp luật và thực hiện đầy đủ nghĩa vụ theo hợp đồng đã ký kết.

10. Trường hợp chấm dứt hoạt động, chủ cảng, bến phải thông báo cho cơ quan có thẩm quyền đã công bố cảng hoặc cấp giấy phép hoạt động bến để ra quyết định đình chỉ hoạt động cảng, bến thủy nội địa.

11. Không xếp hàng hóa hoặc đón trả hành khách xuống phương tiện không bảo đảm an toàn kỹ thuật, không đủ giấy tờ quy định; không xếp hàng hóa quá kích thước hoặc quá trọng tải cho phép hoặc nhận hành khách quá số lượng theo quy định; thực hiện đầy đủ các quy định của pháp luật về xếp dỡ hàng hoá nguy hiểm.

12. Tham gia cứu người, hàng hóa, phương tiện khi xảy ra tai nạn; báo cáo và phối hợp với cơ quan chức năng có thẩm quyền giải quyết, khắc phục hậu quả tai nạn và ô nhiễm môi trường (nếu có); tuân thủ sự điều động của Cảng vụ hoặc Ban quản lý bến trong việc cứu người, hàng hóa, phương tiện khi có tai nạn xảy ra trong vùng nước cảng, bến thủy nội địa và trong việc phòng chống lụt bão.

13. Tạo điều kiện nơi làm việc và phối hợp với Cảng vụ hoặc Ban quản lý bến trong việc bảo đảm trật tự, an toàn giao thông trong vùng nước cảng, bến.

Điều 22. Trách nhiệm của thuyền viên, người lái phương tiện khi phương tiện thủy hoạt động tại vùng nước cảng, bến thủy nội địa

1. Chỉ được neo đậu phương tiện tại những nơi do Cảng vụ hoặc Ban quản lý bến chỉ định và không được tự ý thay đổi vị trí.

2. Tuân thủ nội quy cảng, bến và các quy định về phòng chống lụt bão; chấp hành lệnh điều động của Cảng vụ hoặc Ban quản lý bến trong các trường hợp khẩn cấp.

3. Khi phương tiện bị trôi dạt hoặc bị thay đổi nơi neo đậu do các nguyên nhân khách quan, phải tiến hành ngay các biện pháp xử lý thích hợp và báo cho Cảng vụ hoặc Ban quản lý bến biết.

4. Khi đã neo đậu an toàn tại các nơi được chỉ định, thuyền trưởng phải phân công thuyền viên trực ca để duy trì máy móc, trang thiết bị cứu sinh, cứu hỏa, động cơ chính của phương tiện luôn ở trạng thái sẵn sàng hoạt động để xử lý kịp thời những trường hợp trôi neo, đứt dây, mắc cạn và các sự cố khác.

5. Trường hợp phát hiện trên phương tiện thủy có người, động vật mắc bệnh truyền nhiễm hoặc thực vật có khả năng gây bệnh phải báo ngay cho Cảng vụ hoặc Ban quản lý bến, các cơ quan chức năng có liên quan và đưa phương tiện neo đậu tại khu vực riêng để có biện pháp xử lý.

6. Trong quá trình xếp dỡ hàng hóa hoặc đón trả hành khách phải kiểm tra, chuẩn bị các điều kiện cần thiết bảo đảm an toàn lao động, nếu phát hiện dấu hiệu không an toàn, thuyền trưởng hoặc người lái phương tiện phải đình chỉ ngay để có biện pháp khắc phục.

7. Phương tiện thủy nước ngoài phải treo quốc kỳ nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam ở đỉnh cột cao nhất từ lúc mặt trời mọc đến lúc mặt trời lặn; trường hợp muốn treo cờ lễ, cờ tang, kéo còi trong các dịp nghi lễ của nước mình phải thông báo trước cho Cảng vụ.

8. Không được tự ý đưa phương tiện vào xếp, dỡ hàng hóa hoặc đón, trả hành khách khi chưa được cấp Giấy phép vào cảng, bến thủy nội địa; không sử dụng tín hiệu tùy tiện; không cản trở hoặc gây khó khăn cho người thi hành công vụ, thuyền viên của phương tiện khác đi qua phương tiện mình.

9. Thuyền trưởng, thuyền viên, người lái phương tiện và hành khách có trách nhiệm bảo vệ môi trường trong vùng nước cảng, bến thủy nội địa. Không được bơm xả nước bẩn, đổ rác thải, các hợp chất có dầu, các loại chất độc khác xuống vùng nước cảng, bến.

Điều 23. Trách nhiệm của các tổ chức, cá nhân khảo sát, thi công công trình, nạo vét, trục vớt chướng ngại vật hoặc làm các công việc khác trong vùng nước cảng, bến thủy nội địa

1. Chấp hành các quy định về bảo đảm trật tự, an toàn giao thông tại vùng nước cảng, bến thủy nội địa và bảo vệ môi trường.

2. Chấp hành sự điều động của Cảng vụ hoặc Ban quản lý bến trong trường hợp khẩn cấp cứu người, hàng hóa, phương tiện khi xảy ra tai nạn hoặc khi có bão lũ.

3. Trước khi khảo sát, thi công công trình, nạo vét, trục vớt vật chướng ngại hoặc thực hiện các công việc khác trong vùng nước cảng, bến thủy nội địa phải được chấp thuận của chủ cảng, bến, Cảng vụ hoặc Ban quản lý bến về phương án bảo đảm an toàn cho các hoạt động tại cảng, bến thủy nội địa.

Điều 24. Trách nhiệm của Cảng vụ, Ban quản lý bến

1. Thường trực thực hiện kiểm tra, cấp giấy phép vào, rời cảng, bến cho phương tiện.

2. Huy động người, phương tiện, thiết bị tham gia tìm kiếm cứu nạn; phong chống bão lũ; chữa cháy và khắc phục ô nhiễm môi trường.

3. Theo dõi và phối hợp xử lý những hành vi vi phạm quy định về bảo vệ môi trường trong vùng nước cảng, bến thủy nội địa.

Điều 25. Trách nhiệm của Sở Giao thông vận tải

1. Phối hợp với Cục Đường thủy nội địa Việt Nam tổ chức kiểm tra, theo dõi việc thực hiện quy hoạch phát triển hệ thống cảng, bến thủy nội địa trên địa bàn trách nhiệm.

2. Kiểm tra, thanh tra việc chấp hành các quy định của Thông tư này đối với các cảng, bến thủy nội địa thuộc phạm vi trách nhiệm của địa phương.

3. Tổ chức thực hiện quản lý nhà nước chuyên ngành tại cảng, bến thủy nội địa trên đường thủy nội địa quốc gia ủy quyền quản lý, đường thủy nội địa địa phương và đường thủy nội địa chuyên dùng nối với đường thủy nội địa địa phương và trong vùng nước cảng biển thuộc địa giới hành chính của địa phương.

4. Lập danh bạ cảng, bến thủy nội địa, bến khách ngang sông thuộc thẩm quyền quản lý; định kỳ hàng quý, năm báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh và Cục Đường thủy nội địa Việt Nam.

5. Đối với công tác quản lý bến khách ngang sông nằm trên sông, kênh là địa giới hành chính giữa hai tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương, phối hợp và thống nhất với Sở Giao thông vận tải liên quan trong việc cấp giấy phép hoạt động và tổ chức quản lý bến theo đúng quy định về bảo đảm trật tự an toàn giao thông trong quá trình khai thác.

Điều 26. Trách nhiệm của Cục Đường thủy nội địa Việt Nam



1. Phối hợp với Sở Giao thông vận tải tổ chức kiểm tra, theo dõi việc thực hiện quy hoạch phát triển hệ thống cảng, bến thủy nội địa trên địa bàn trách nhiệm.
2. Tổ chức thực hiện quản lý nhà nước chuyên ngành tại cảng, bến thủy nội địa trên đường thủy nội địa quốc gia, đường thủy nội địa chuyên dùng nối với đường thủy nội địa quốc gia, đường thủy nội địa chuyên dùng nằm trên địa giới hai tỉnh trở lên.
3. Tổng hợp báo cáo của các địa phương, đơn vị báo cáo Bộ Giao thông vận tải.
4. Theo dõi, hướng dẫn, kiểm tra công tác quản lý hoạt động cảng, bến thủy nội địa của các địa phương.

Điều 27. Xử lý tai nạn trong vùng nước cảng, bến thủy nội địa

1. Việc cứu người và phương tiện thủy bị tai nạn xảy ra trong vùng nước cảng, bến thủy nội địa là nghĩa vụ bắt buộc đối với thuyền trưởng, người lái phương tiện và các tổ chức, cá nhân đang hoạt động tại cảng, bến.
2. Khi phát hiện tai nạn hoặc nguy cơ xảy ra tai nạn, thuyền trưởng hoặc người lái phương tiện bị nạn phải lập tức phát tín hiệu cấp cứu theo quy định và tiến hành ngay các biện pháp cứu người, tài sản, đồng thời báo cho Cảng vụ hoặc Ban quản lý bến để có biện pháp xử lý kịp thời.
3. Cảng vụ có quyền huy động mọi lực lượng, thiết bị của cảng, bến và các phương tiện hiện có trong khu vực để cứu người, tài sản, phương tiện bị nạn. Các tổ chức, cá nhân liên quan có nghĩa vụ chấp hành lệnh điều động của Cảng vụ hoặc Ban quản lý bến để cứu người, tài sản, phương tiện bị nạn.
4. Trường hợp phương tiện bị đắm, sau khi cứu người, tài sản, thuyền trưởng hoặc người lái phương tiện bị đắm phải đặt báo hiệu theo quy định và báo cáo ngay với chủ phương tiện để tiến hành trục vớt. Chủ phương tiện phải tổ chức trục vớt theo thời hạn quy định và chỉ được tiến hành khi đã thực hiện các biện pháp bảo đảm an toàn giao thông được Cảng vụ hoặc Ban quản lý bến chấp thuận.
5. Trường hợp phương tiện đắm trong vùng nước cảng, bến việc xử lý phương tiện, tài sản chìm đắm theo quy định của Chính phủ.

Chương VI:
ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH

Điều 28. Hiệu lực thi hành

Thông tư này có hiệu lực từ ngày 01 tháng 01 năm 2015, thay thế Thông tư số 25/2010/TT-BGTVT ngày 31 tháng 8 năm 2010 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải quy định về quản lý hoạt động của cảng, bến thủy nội địa.

Điều 29. Điều khoản chuyển tiếp

1. Quyết định công bố cảng thủy nội địa, giấy phép hoạt động bến thủy nội địa được cấp theo quy định tại Thông tư số 25/2010/TT-BGTVT ngày 31 tháng 8 năm 2010 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải quy định về quản lý hoạt động cảng, bến thủy nội địa có giá trị theo thời hạn ghi trong quyết định, giấy phép. Khi hết hạn, tổ chức, cá nhân phải làm thủ tục công bố lại hoặc cấp lại giấy phép hoạt động theo quy định của Thông tư này.

2. Cảng thủy nội địa, bến hàng hoá, bến hành khách, bến khách ngang sông đã được công bố hoặc cấp giấy phép hoạt động trước ngày 01 tháng 01 năm 2005 phải làm thủ tục công bố lại hoặc cấp lại giấy phép hoạt động theo quy định của Thông tư này.

Điều 30. Trách nhiệm tổ chức thực hiện

1. Cục Đường thủy nội địa Việt Nam tổ chức thực hiện và kiểm tra việc thực hiện Thông tư này.

2. Chánh Văn phòng, Chánh Thanh tra Bộ, Vụ trưởng các Vụ thuộc Bộ, Cục trưởng Cục Đường thủy nội địa Việt Nam, Cục trưởng Cục Hàng hải Việt Nam, Giám đốc các Sở Giao thông vận tải, Thủ trưởng các cơ quan, tổ chức và cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Thông tư này./.

Nơi nhận:

- Như khoản 2 Điều 30;
- Các Bộ: CA, QP, NN và PTNT, TC;
- UBND các tỉnh, TP trực thuộc TW;
- Cục Kiểm tra VBQPPL (Bộ TP);
- Website Bộ GTVT;
- Lưu: VT, PC.

BỘ TRƯỞNG

Đã ký

Đinh La Thăng

PHỤ LỤC

(Ban hành kèm theo Thông tư số /2014/TT-BGTVT ngày tháng năm 2014)

- Mẫu số 1: Đơn đề nghị chấp thuận chủ trương xây dựng cảng thủy nội địa.
- Mẫu số 2: Đơn đề nghị chấp thuận chủ trương xây dựng bến thủy nội địa.
- Mẫu số 3: Đơn đề nghị chấp thuận chủ trương xây dựng bến khách ngang sông.
- Mẫu số 4: Đơn đề nghị công bố hoạt động cảng thủy nội địa.
- Mẫu số 5: Quyết định công bố hoạt động cảng thủy nội địa.
- Mẫu số 6: Đơn đề nghị cấp giấy phép hoạt động bến thủy nội địa.
- Mẫu số 7: Đơn đề nghị cấp giấy phép hoạt động bến khách ngang sông.
- Mẫu số 8: Giấy phép hoạt động bến thủy nội địa.
- Mẫu số 9: Giấy phép hoạt động bến khách ngang sông.
- Mẫu số 10: Đơn đề nghị công bố lại cảng thủy nội địa.
- Mẫu số 11: Đơn đề nghị cấp lại giấy phép hoạt động bến thủy nội địa.
- Mẫu số 12: Quyết định đình chỉ hoạt động cảng, bến thủy nội địa.
- Mẫu số 13: Quyết định đình chỉ có thời hạn hoạt động cảng, bến thủy nội địa.
- Mẫu số 14: Giấy phép vào cảng, bến thủy nội địa.
- Mẫu số 15: Giấy phép rời cảng, bến thủy nội địa.
- Mẫu số 16: Lệnh điều động phương tiện thủy.
- Mẫu số 17: Sổ thống kê tổng hợp theo dõi phương tiện thủy ra, vào cảng, bến.
- Mẫu số 18: Tổng hợp cảng, bến thủy nội địa.
- Mẫu số 19: Báo cáo tổng hợp số liệu quản lý hoạt động cảng, bến thủy nội địa.
- Mẫu số 20: Danh bạ cảng, bến hàng hoá; cảng, bến hành khách.
- Mẫu số 21: Danh bạ bến khách ngang sông.

Mẫu số 1

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

....., ngày..... tháng..... năm.....

ĐƠN ĐỀ NGHỊ

CHẤP THUẬN CHỦ TRƯỞNG XÂY DỰNG CẢNG THỦY NỘI ĐỊA

Kính gửi: (1)

Tên tổ chức, cá nhân

Địa chỉ trụ sở:

Số điện thoại: Số FAX

Đề nghị chấp thuận chủ trương xây dựng cảng thủy nội địa (2).....

Vị trí dự kiến xây dựng, từ km thứ đến km thứ

Trên bờ (phải hay trái) sông, (kênh)

Thuộc địa phận: xã (phường), huyện (quận).....

Tỉnh (thành phố):

Quy mô dự kiến xây dựng :

Mục đích sử dụng :

Phạm vi vùng đất sử dụng :

Phạm vi vùng nước sử dụng

Chúng tôi hoàn toàn chịu trách nhiệm về những nội dung trên đây và cam đoan thực hiện đầy đủ các quy định của pháp luật hiện hành về giao thông vận tải đường thủy nội địa và pháp luật có liên quan.

Tổ chức (cá nhân) làm đơn

Ký và đóng dấu

Ghi chú: 1. Tên Bộ Giao thông vận tải, Cục Đường thủy nội địa Việt Nam hoặc Sở Giao thông vận tải;

2. Tên cảng do chủ đầu tư đặt.

Mẫu số 2

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

....., ngày..... tháng..... năm.....

**ĐƠN ĐỀ NGHỊ
CHẤP THUẬN CHỦ TRƯỞNG XÂY DỰNG BẾN THỦY NỘI ĐỊA**

Kính gửi: (1)

Tên tổ chức, cá nhân

Địa chỉ trụ sở:

Số điện thoại: Số FAX

Đề nghị chấp thuận chủ trương xây dựng bến thủy nội địa (2).....

Vị trí dự kiến mở bến: từ km thứ đến km thứ

bờ (phải hay trái)..... sông, (kênh) thuộc xã (phường)

....., huyện (quận)..... tỉnh (thành phố):

Quy mô dự kiến xây dựng

Bến được sử dụng vào mục đích:

Phạm vi vùng đất sử dụng :

Phạm vi vùng nước sử dụng:

- Chiều dài:.....mét, dọc theo bờ;

- Chiều rộng..... mét, từ mép cầu bến trở ra.

Chúng tôi xin chịu hoàn toàn trách nhiệm về những nội dung nêu trên và cam đoan thực hiện đầy đủ các quy định của pháp luật hiện hành về giao thông vận tải đường thủy nội địa và pháp luật có liên quan.

Tổ chức (cá nhân) làm đơn

Ký và đóng dấu

- Ghi chú:** 1. Tên Sở Giao thông vận tải;
2. Tên bến thủy nội địa do chủ đầu tư đặt.

Mẫu số 3

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

....., ngày..... tháng..... năm.....

ĐƠN ĐỀ NGHỊ

CHẤP THUẬN CHỦ TRƯỞNG XÂY DỰNG BẾN KHÁCH NGANG SÔNG

Kính gửi: (1)

Tên tổ chức, cá nhân

Địa chỉ:

Làm đơn đề nghị chấp thuận chủ trương xây dựng bến khách ngang sông:

Tên bến.....

Vị trí dự kiến mở bến: Từ km thứđến km thứ Bên bờ (phải/
trái)..... của sông (kênh).....

Thuộc xã (phường)..... huyện (quận)
tỉnh (thành phố).....

Quy mô dự kiến xây dựng:

Phạm vi vùng đất sử dụng:

Phạm vi vùng nước sử dụng:

Chúng tôi xin chịu hoàn toàn trách nhiệm về những nội dung nêu trên và cam đoan thực hiện đầy đủ các quy định của pháp luật hiện hành về giao thông vận tải đường thủy nội địa và pháp luật có liên quan.

Ý kiến của UBND cấp xã

Người làm đơn

Ký tên

Ghi chú: Nội dung UBND cấp xã nơi mở bến xác nhận người làm đơn hiện đang cư trú tại địa phương có đủ điều kiện đầu tư xây dựng bến và tổ chức quản lý khai thác hoạt động bến khách ngang sông theo quy định

Ghi chú: 1. Tên Sở Giao thông vận tải;

Mẫu số 4
CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
..... , ngày tháng năm

ĐƠN ĐỀ NGHỊ
CÔNG BỐ HOẠT ĐỘNG CẢNG THỦY NỘI ĐỊA

Kính gửi: (1)

Tên tổ chức, cá nhân

Địa chỉ trụ sở:

Số điện thoại: Số FAX

Đề nghị công bố hoạt động cảng thủy nội địa (2).....

Vị trí cảng : từ km thứ đến km thứ

Trên bờ (phải hay trái) sông, (kênh)

Thuộc xã (phường), huyện (quận).....

Tỉnh (thành phố):

Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh.....

Cảng thuộc loại :

.....

Phạm vi vùng đất sử dụng :

Tóm tắt quy mô về cơ sở hạ tầng (công trình cầu tàu, kho bãi):.....

.....

.....

Phạm vi vùng nước sử dụng :

.....

Vùng đón trả hoa tiêu

Phương án khai thác

.....

Cảng có khả năng tiếp nhận loại phương tiện:

Thời gian hoạt động từ ngày..... đến ngày.....

Chúng tôi hoàn toàn chịu trách nhiệm về những nội dung trên đây và cam đoan thực hiện đầy đủ các quy định của pháp luật hiện hành về giao thông vận tải đường thủy nội địa và pháp luật có liên quan.

Tổ chức (cá nhân) làm đơn
Ký và đóng dấu

- Ghi chú:** 1. Tên Bộ Giao thông vận tải, Cục Đường thủy nội địa Việt Nam hoặc Sở Giao thông vận tải;
2. Tên cảng thủy nội địa do chủ đầu tư đặt.

Mẫu số 5

**BỘ GIAO THÔNG VẬN TẢI
CƠ QUAN THẨM QUYỀN (1)**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số:...../QĐ-CDTND

Hà Nội, ngày..... tháng..... năm.....

QUYẾT ĐỊNH
Về việc công bố hoạt động cảng
CƠ QUAN THẨM QUYỀN (1)

Căn cứ Quyết định số 4409/QĐ-BGTVT ngày 31 tháng 12 năm 2014 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Cục Đường thủy nội địa Việt Nam;

Căn cứ Thông tư số .../2014/TT-BGTVT ngày ... tháng ... năm 2014 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải Quy định về quản lý cảng, bến thủy nội địa;

Xét đơn và hồ sơ đề nghị công bố cảng thủy nội địa của

Theo đề nghị của Trưởng phòng Pháp chế - Thanh tra,

QUYẾT ĐỊNH

Điều 1.

Nay công bố hoạt động cảng

Tại vị trí

Của (tổ chức, cá nhân)

Địa chỉ.....

Số điện thoại..... số FAX.....

Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số.....

..... ngày do (Cơ quan).....

Loại cảng

Cấp kỹ thuật cảng

.....

Vùng đất của cảng

Kết cấu công trình cảng :

Vùng nước của cảng (theo Bình đồ số..... cơ quan duyệt

....., ngày

Thiết bị xếp dỡ.....

Được phép tiếp nhận loại phương tiện thủy

Điều 2.

Trong quá trình khai thác..... (tên tổ chức, cá nhân) có trách nhiệm thực hiện các quy định sau:

1.

2.

Điều 3.

Cảng vụ Đường thủy nội địa... chịu trách nhiệm quản lý nhà nước chuyên ngành tại cảng và thu phí và lệ phí theo quy định.

Điều 4.

Quyết định này có hiệu lực từ ngày..... đến ngày

Điều 5.

Các ông Chánh Văn phòng Cục, Trưởng phòng Pháp chế - Thanh tra;
Trưởng các phòng có liên quan; Giám đốc đơn vị Quản lý đường thủy nội địa;
Giám đốc Cảng vụ đường thủy nội địa; chủ cảng..... các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này.

Nơi nhận:

- Như Điều 4;
- Lưu VP,....

Thủ trưởng cơ quan công bố hoạt động cảng

Ký tên và đóng dấu

Ghi chú: 1. Tên Bộ Giao thông vận tải, Cục Đường thủy nội địa Việt Nam hoặc Sở Giao thông vận tải;

Mẫu số 6
CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

....., ngày..... tháng..... năm.....

ĐƠN ĐỀ NGHỊ
CẤP GIẤY PHÉP HOẠT ĐỘNG BẾN THỦY NỘI ĐỊA

Kính gửi: (1)

Tên tổ chức, cá nhân

Địa chỉ trụ sở:

Số điện thoại: Số FAX

Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số ngày tháng Năm.....
do cơ quan cấp

Làm đơn đề nghị cấp Giấy phép hoạt động bến thủy nội địa

Vị trí bến: từ km thứđến km thứ
bờ (phải hay trái).....sông (kênh).....

thuộc xã(phường), huyện (quận)..... tỉnh (thành phố):.....

Kết cấu, quy mô của bến::

Phương án khai thác:

Bến được sử dụng để:.....

Phạm vi vùng đất sử dụng

Phạm vi vùng nước sử dụng

- Chiều dài:.....mét, dọc theo bờ;

- Chiều rộng..... mét, từ mép ngoài cầu bến trở ra sông.

Bến có khả năng tiếp nhận loại phương tiện thủy lớn nhất có kích thước.....

.....

Thời hạn xin hoạt động từ ngày..... đến ngày.....

Chúng tôi xin chịu hoàn toàn trách nhiệm về những nội dung nêu trên và cam đoan thực hiện đầy đủ các quy định của pháp luật hiện hành về giao thông vận tải đường thủy nội địa và pháp luật có liên quan.

Người làm đơn
Ký tên

Ghi chú: 1. Tên Sở Giao thông vận tải;

Mẫu số 7

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

....., ngày..... tháng..... năm.....

ĐƠN ĐỀ NGHỊ
CẤP GIẤY PHÉP HOẠT ĐỘNG BẾN KHÁCH NGANG SÔNG

Kính gửi: (1)

Tên tổ chức, cá nhân

Địa chỉ:

Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số ngày.....
do cơ quan: cấp

Làm đơn đề nghị cấp Giấy phép hoạt động bến khách ngang sông:

Tên bến.....

Vị trí bến:.....

- Từ km thứđến km thứ Bên bờ (phải, trái)..... của
sông....., thuộc xã, huyện, tỉnh (phường, quận, thành phố).....

Vùng đất sử dụng:.....

Vùng nước xin phép sử dụng:

+ Chiều dài:m dọc theo bờ sông;

+ Chiều rộng: m tính từ mép ngoài cầu bến trở ra sông.

Phương án khai thác và bảo đảm an toàn khi hoạt động:

.....

Đề nghị được hoạt động từ ngày ...tháng năm..... đến ngày ... tháng ... năm..

Chúng tôi xin chịu hoàn toàn trách nhiệm về những nội dung nêu trên và cam đoan thực hiện đầy đủ các quy định của pháp luật hiện hành về giao thông vận tải đường thủy nội địa và pháp luật có liên quan.

Người làm đơn

Ký tên

Ghi chú: 1. Tên Sở Giao thông vận tải;

Mẫu số 8

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

GIẤY PHÉP
HOẠT ĐỘNG BẾN THỦY NỘI ĐỊA

Số:...../GPBTNĐ

Sở Giao thông vận tải.....

Căn cứ Thông tư số .../2014/TT-BGTVT ngày ... tháng ... năm 2014 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải Quy định về quản lý cảng, bến thủy nội địa, xét đơn và hồ sơ đề nghị cấp Giấy phép hoạt động bến thủy nội địa của ông (bà)....., nay cho phép hoạt động Bến thủy nội địa:.....
Của (tổ chức, cá nhân):.....
Địa chỉ :
Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số ngày..... tháng năm
Do..... cấp
Vị trí bến, từ km thứ đến km thứ
Bên bờ (phải, trái) của sông (kênh)..... Thuộc địa phận xã, huyện, tỉnh (phường, quận, thành phố).....
Kết cấu, quy mô bến :
Mục đích sử dụng
Phạm vi vùng đất
Phạm vi vùng nước (Sơ đồ số....., do..... duyệt ngày.....)
- Chiều dài: mét, kể từ:..... dọc theo bờ về phía: (thượng, hạ lưu)
- Chiều rộng: mét, kể từ mép ngoài của bến trở ra phía sông
Bến có khả năng tiếp nhận loại phương tiện thủy:.....
Thời hạn hoạt động: Từ ngày đến ngày
Trong thời gian hoạt động chủ bến có trách nhiệm thực hiện đầy đủ các quy định của pháp luật về bảo đảm trật tự an toàn giao thông đường thủy nội địa và các quy định của pháp luật có liên quan.

....., ngày..... tháng..... năm.....

Thủ trưởng cơ quan cấp giấy phép

Ký tên và đóng dấu

Mẫu số 9

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

GIẤY PHÉP

Hoạt động bến khách ngang sông

Số:...../GPKNS

SỞ GIAO THÔNG VẬN TẢI.....

Căn cứ Thông tư số/2014/TT-BGTVT ngày .. tháng ... năm 2014 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải Quy định về quản lý cảng, bến thủy nội địa; xét đơn và hồ sơ xin cấp Giấy phép hoạt động bến khách ngang sông của ông (bà)....., nay cho phép mở bến khách ngang sông:.....

Của (tổ chức, cá nhân):.....

Địa chỉ:

Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số: ngày.....

Do cơ quan: cấp

Vị trí bến: km thứ bên bờ (phải, trái) của sông.....

..... Thuộc xã, huyện, tỉnh (phường, quận, thành phố).....

Phạm vi vùng đất

Phạm vi vùng nước

- Chiều dài:.....mét, kể từ:..... dọc theo bờ về phía: (thượng, hạ lưu).....

- Chiều rộng: mét, kể từ:..... trở ra phía sông.

Trong thời gian hoạt động chủ khai thác bến có trách nhiệm thực hiện đầy đủ các quy định pháp luật về bảo đảm trật tự an toàn giao thông đường thủy nội địa và các quy định khác của pháp luật có liên quan.

Giấy phép có hiệu lực từ ngày đến ngày.....

....., ngày..... tháng..... năm.....

Thủ trưởng cơ quan cấp giấy phép

Ký tên và đóng dấu

Mẫu số 10:
CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

....., ngày..... tháng..... năm.....

ĐƠN ĐỀ NGHỊ CÔNG BỐ LẠI CẢNG THỦY NỘI ĐỊA

Kính gửi: (1)

Tên tổ chức, cá nhân

Địa chỉ trụ sở:

Số điện thoại: Số FAX

Đề nghị công bố hoạt động cảng thủy nội địa (2).....

Vị trí cảng : từ km thứ đến km thứ

Trên bờ (Phải hay Trái) sông, (kênh)

Thuộc xã (phường), huyện (quận).....

Tỉnh (thành phố):

Cảng thuộc loại :

.....

Phạm vi vùng đất sử dụng :

Tóm tắt quy mô về cơ sở hạ tầng (công trình cầu tàu, kho bãi):.....

Phạm vi vùng nước sử dụng :

.....

Vùng đón trả hoa tiêu (nếu có)

Phương án khai thác :

.....

Loại phương tiện cảng có khả năng tiếp nhận :

.....

Lý do đề nghị công bố lại :

.....

.....

Thời hạn xin hoạt động từ ngày .../ .../ đến hết ngày .../ .../

Chúng tôi hoàn toàn chịu trách nhiệm về những nội dung trên đây và cam đoan thực hiện đầy đủ các quy định của pháp luật hiện hành về giao thông vận tải đường thủy nội địa và pháp luật có liên quan.

Tổ chức (cá nhân) làm đơn
Ký và đóng dấu

- Ghi chú:** 1. Cục Bộ Giao thông vận tải, Đường thủy nội địa Việt Nam hoặc Sở Giao thông vận tải;
2. Tên cảng do chủ đầu tư đặt.

Mẫu số 11:

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

....., ngày..... tháng..... năm.....

ĐƠN ĐỀ NGHỊ
Cấp lại giấy phép hoạt động
bến thủy nội địa

Kính gửi: (1)
Tên tổ chức, cá nhân
Địa chỉ trụ sở:
Số điện thoại: Số FAX

.....
...Làm đơn đề nghị cấp lại Giấy phép hoạt động bến thủy nội địa.....

Vị trí bến: từ km thứđến km thứ trên bờ
(phải hay trái) sông (kênh) thuộc xã(phường)
....., huyện (quận)..... tỉnh (thành phố):.....

Kết cấu, quy mô công trình bến:

Phương án khai thác

Bến được sử dụng để:.....

Phạm vi vùng đất sử dụng :

Phạm vi vùng nước sử dụng :

- Chiều dài:.....mét, dọc theo bờ;

- Chiều rộng..... mét, từ mép ngoài cầu bến trở ra sông.

Bến có khả năng tiếp nhận loại phương tiện thủy lớn nhất có kích thước.....

Lý do đề nghị cấp lại giấy phép hoạt động :

Thời hạn xin hoạt động từ ngày..... đến ngày.....

Chúng tôi xin chịu hoàn toàn trách nhiệm về những nội dung nêu trên và cam đoan thực hiện đầy đủ các quy định của pháp luật hiện hành về giao thông vận tải đường thủy nội địa và pháp luật có liên quan.

Người làm đơn

(Ký tên)

Ghi chú: 1. Tên Sở Giao thông vận tải;

Mẫu số 12

**BỘ GIAO THÔNG VẬN TẢI
CƠ QUAN THẨM QUYỀN (1)**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số:...../QĐ-CĐTNĐ

....., ngày..... tháng..... năm.....

QUYẾT ĐỊNH

Về việc đình chỉ hoạt động cảng, bến thủy nội địa

CƠ QUAN THẨM QUYỀN (1)

Căn cứ Quyết định số 4409/QĐ-BGTVT ngày 31 tháng 12 năm 213 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Cục Đường thủy nội địa Việt Nam;

Căn cứ Thông tư số .../2014/TT-BGTVT ngày tháng năm 2014 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải Quy định về quản lý cảng, bến thủy nội địa;

Theo đề nghị của.....,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1.

Chấm dứt hoạt động đối với cảng (hoặc bến).....

Tại vị trí

Của (tổ chức, cá nhân)

Địa chỉ.....

Lý do.....

Điều 2.

Xóa tên cảng (hoặc bến)..... trong danh mục cảng, bến thủy nội địa lưu giữ tại bộ phận quản lý cảng, bến thủy nội địa của Cục Đường thủy nội địa Việt Nam .

Điều 3.

1. Quyết định này có hiệu lực từ ngày..... tháng..... năm.....;

2. Hủy bỏ Quyết định số....., ngày.... tháng..... năm..... của về công bố mở cảng thủy nội địa

Điều 4.

Các ông (bà)..... (tên chủ cảng, bến).....; Giám đốc Cảng vụ; các tổ chức, cá nhân có liên quan có trách nhiệm thực hiện Quyết định này.

Nơi nhận:

- Như Điều 4;

- Lưu VP,....

Thủ trưởng cơ quan công bố, cấp phép

Ký tên và đóng dấu

Ghi chú: 1. Tên Bộ Giao thông vận tải, Cục Đường thủy nội địa Việt Nam hoặc Sở Giao thông vận tải;

Mẫu số 13

BỘ GIAO THÔNG VẬN TẢI (1)
CỤC ĐƯỜNG THỦY NỘI ĐỊA VIỆT NAM (1)

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số:...../QĐ-CĐTNĐ (1)

....., ngày..... tháng..... năm.....

QUYẾT ĐỊNH

Về việc đình chỉ có thời hạn hoạt động của cảng, bến thủy nội địa

CỤC TRƯỞNG CỤC ĐƯỜNG THỦY NỘI ĐỊA VIỆT NAM (1)

Căn cứ Quyết định số 4409/QĐ-BGTVT ngày 31 tháng 12 năm 2014 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Cục Đường sông Việt Nam (1);

Căn cứ Thông tư số ...2014/TT-BGTVT ngày... tháng ... năm 2014 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải Quy định về quản lý cảng, bến thủy nội địa; Theo đề nghị của.....(2),

QUYẾT ĐỊNH

Điều 1. Đình chỉ hoạt động đối với cảng (hoặc bến)

Tại vị trí

Của (tổ chức, cá nhân)

Địa chỉ.....

Thời hạn đình chỉ hoạt động ngày, kể từ đến

Lý do.....

Điều 2. Giám đốc Cảng vụ Đường thủy nội địa khu vực (1) có trách nhiệm theo dõi kiểm tra việc chấp hành việc tạm ngừng hoạt động của cảng (hoặc bến), xử phạt theo thẩm quyền những hành vi vi phạm Quyết định này.

Điều 3. Các ông (bà)..... (tên chủ cảng, bến); Giám đốc Cảng vụ (1); các tổ chức, cá nhân có liên quan có trách nhiệm thực hiện Quyết định này.

Nơi nhận:

- Như Điều 3
- Lưu VP....,

CỤC TRƯỞNG

Ghi chú:

(1) Điều chỉnh nội dung cho phù hợp với cơ quan ban hành Quyết định.

(2) Ghi tên Cảng vụ, hoặc Ban Quản lý bến trực tiếp quản lý cảng, bến đó.